

BẢN TIN VỤ HÈ THU 2018
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP
NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2018
Lưu vực sông Cả, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
		Trung bình nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Vinh	96,4	-34,4	-20,9	-47,5	1209,6
Đô Lương	96,9	-14,6	-36,3	-54,6	812,5
Cửa Rào	56,1	-56,4	-68,5	-23,9	1455,7
Hà Tĩnh	174,4	-24,8	-31,4	-53,1	1184,6
Trung bình	119,6				

Nhận xét: Trên lưu vực sông Cả lượng mưa cộng dồn tại các trạm Vinh, Đô Lương, Cửa Rào và Hà Tĩnh từ 01/2018 đến thời điểm hiện tại thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 15-56%. Thấp hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 24-55%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 21-69%.

Dự báo lượng mưa vụ tới trên lưu vực tiếp tục có mưa, lượng mưa dự báo khoảng từ 800-1700mm. Trên lưu vực sông Cả lượng mưa vụ dự báo từ 01/04 đến 30/09/2018 tại các trạm Vinh, Cửa Rào cao hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 5-21%, cao hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 50-95%, cao hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 2-15%. Tại các trạm Đô Lương, Hà Tĩnh thấp hơn lượng mưa TBNN cùng thời kỳ từ 5-32%, thấp hơn so với năm 2016 cùng thời kỳ từ 7-19%, thấp hơn so với năm 2017 cùng thời kỳ 22-26%.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi.

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W hữu ích trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		



NGHỆ AN		177,13	61,37		-11,12	60,80		37,91
1	Cửa Ông	1,16	136,17		-6,33	46,60	Giảm	92,14
2	Khe Gỗ	5,24	49,48		-20,48	62,61	Giảm	21,48
3	Hồ Lách Bưởi	2,06	61,30		0,00	0,00	Giảm	14,63
4	Hồ Khe Làng	2,90	55,04		-19,67	28,82	Tăng	24,08
5	Hồ Nghi Công	2,40	43,33		-40,37	-43,22	Giảm	42,87
6	Hồ Khe Xiêm	3,08	66,27		0,00	79,50	Tăng	55,35
7	Hồ Khe Thị	2,50	76,36		-8,55	153,38	Tăng	39,87
8	Bàu Gia	10,99	61,23		-8,94	61,59	Giảm	50,08
9	Mả Tô							
10	Hồ Xuân Dương	8,53	72,26		-17,26	35,74	Giảm	34,44
11	Kẻ Sắt	3,03	59,18		-12,35	107,37	Giảm	31,01
12	Nhà Trò	5,39	68,53		-17,16	231,87	Giảm	52,33
13	Đồn Húng	3,85	70,59		-6,09	142,34	Giảm	44,45
14	Quản Hải	5,19	69,46		-12,28	57,82	Giảm	28,88
15	Vệ Vũng	17,20	75,11		-8,72	170,69	Giảm	54,33
16	3/2	4,22	0,00		4,54	23,08	Giảm	38,73
17	Bà Tuyền	5,36	66,20		-10,40	157,77	Giảm	54,53
18	Vực Mầu	62,40	54,80		-13,46	-18,92	Giảm	38,76
19	Bàu Đá	3,67	45,52		-27,32	49,50	Giảm	4,17
20	Cầu Cau	2,49	87,01		6,05	2,92	Giảm	47,10
21	Khe Nậy	1,78	30,82		-46,28	Can Ho	Giảm	MNC
22	Cao Cang	1,60	61,50		-24,08	-38,03	Giảm	1,70
23	Khe Là	1,92	91,60		7,40	0,00	Tăng	100,00
24	Khe Đá	16,00	62,56		7,79	89,56	Giảm	49,24
25	Khe Canh	4,20	8,48		7,04	-2,61	Tăng	0,00
HÀ TĨNH		507,85	80,18		-14,81	31,39		17,23
26	Kẻ Gỗ	318,45	72,92		-13,24	49,39	Giảm	9,83
27	Sông Rác	109,80	85,61		-4,37	11,88	Giảm	26,08
28	Thượng Tuy	18,90	81,49		-5,06	107,99	Giảm	22,90
29	Đập Bún	3,52	93,88		-34,55	21,82	Giảm	37,96
30	Cửa Thờ - Trại Tiêu	14,10	73,19		-19,28	9,14	Giảm	MNC
31	Cu Lây - Trường Lão	11,94	89,38		-4,23	51,46	Giảm	39,58
32	Bình Hà	7,43	71,60		-29,31	6,59	Giảm	50,95
33	Nhà Đường	3,60	95,71		-3,70	-3,32	Giảm	36,44
34	Khe Hao trên	3,55	43,71		-44,54	-13,86	Giảm	1,00
35	Khe Hao dưới							
36	Đá Bạc	2,94	51,71		0,00	-3,67	Giảm	20,81
37	Xuân Hoa	6,80	76,68		-10,12	-6,33	Giảm	31,31
38	Hồ Cồn Tranh	1,98	103,02		-30,45	0,00	Giảm	0,63
39	Hồ Khe Cò	3,20	97,06		-1,40	175,70	Giảm	MNC
40	Hồ Cao Thắng	1,64	86,61		-7,12	32,66	Giảm	MNC
TỔNG								

MNC: Mục nước chết

Nhận xét: Hiện tại đầu tháng 4/2018 dung tích 40 hồ trên địa bàn trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đều xu hướng giảm. Tổng các hồ chứa vùng Nghệ An có dung tích



là 129,75 triệu m³ đạt 65,32% so với dung tích thiết kế và trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là 437,87 triệu m³ đạt 80,18 so với dung tích thiết kế.

Dự báo xu thế nguồn nước các hồ trên lưu vực trong vụ hè thu như sau:

+ Có 5 hồ có dung tích cuối vụ tăng so với cùng kỳ là hồ Khe Làng, hồ Khe Xiêm, hồ Khe Thị thuộc địa bàn tỉnh Nghệ An và hồ Khe Là, Khe Canh tỉnh Hà Tĩnh.

+ Có 4 hồ theo tính toán mực nước cuối vụ sẽ về mực nước chết gồm Hồ Khe Nậy tỉnh Nghệ An và hồ Cửa Thờ - Trại Tiểu, hồ Khe Cò, hồ Cao Thắng tỉnh Hà Tĩnh.

+ Có 5 hồ có nguy cơ về mực nước chết gồm hồ Lạch Bưởi, hồ Bàu Đá, Cao Càng thuộc tỉnh Nghệ An và hồ Khe Hao, Cồn Tranh tỉnh Hà Tĩnh.

+ Các hồ còn lại đều đảm bảo tưới.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du (nếu có)

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước đến hồ so với TBNN
			TB nhiều năm	Năm 2017	Năm 2016	
Bản Vẽ	1383,0	-676	9,5	9,0	-19,1	Tăng

Nhận xét: Dung tích hữu ích hiện có cao hơn so với TBNN là 9,5%, cao hơn so với năm 2017 là 9% và thấp hơn so với năm 2016 là 19,1% cùng thời kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy:

- Tỉnh Nghệ An có 1 hồ thiếu nước là hồ Khe Nậy. Có 3 hồ có nguy cơ thiếu nước nếu lượng mưa thiếu hụt so với dự báo là hồ Lạch Bưởi, hồ Bàu Đá, Cao Càng.

- Tỉnh Hà Tĩnh có 3 hồ thiếu nước là hồ Cửa Thờ - Trại Tiểu, hồ Cao Thắng và hồ Khe Cò. Các công trình có nguy cơ thiếu nước là hồ Khe Hao và Cồn Tranh.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2018 trên lưu vực Sông Cả được thể hiện dưới bảng sau:



TT	Tên công trình	Dung tích so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
NGHỆ AN		61,37	7.807	37,91	99,57	7.789	
1	Cửa Ông	136,17	90	92,14	100,0	90	Đủ nước
2	Khe Gõ	49,48	258	21,48	100,0	258	Đủ nước
3	Hồ Lách Bưởi	61,30	179	14,63	100,0	179	Đủ nước
4	Hồ Khe Làng	55,04	185	24,08	100,0	185	Đủ nước
5	Hồ Nghi Công	43,33	98	42,87	100,0	98	Đủ nước
6	Hồ Khe Xiêm	66,27	180	55,35	100,0	180	Đủ nước
7	Hồ Khe Thị	76,36	166	39,87	100,0	166	Đủ nước
8	Bàu Gia	61,23	683	0,08	100,0	683	Đủ nước
9	Mả Tổ						
10	Xuân Dương	72,26	491	34,44	100,0	491	Đủ nước
11	Kẻ Sắt	59,18	174	31,01	100,0	174	Đủ nước
12	Nhà Trò	68,53	167	52,33	100,0	167	Đủ nước
13	Đồn Hùng	70,59	200	44,45	100,0	200	Đủ nước
14	Quản Hải	69,46	354	28,88	100,0	354	Đủ nước
15	Vệ Vũng	75,11	539	54,33	100,0	539	Đủ nước
16	3/2	0,00	333	38,73	100,0	333	Đủ nước
17	Bà Tuyền	66,20	174	54,53	100,0	174	Đủ nước
18	Vực Máu	54,80	1,909	38,76	100,0	1,909	Đủ nước
19	Bàu Đá	45,52	276	4,17	100,0	276	Đủ nước
20	Cầu Cau	87,01	241	47,10	100,0	241	Đủ nước
21	Khe Nậy	30,82	172	MNC	89,6	154	Thiếu nước
22	Cao Cang	61,50	164	1,70	100,0	164	Đủ nước
23	Khe Là	91,60	225	100,00	100,0	225	Đủ nước
24	Khe Đá	62,56	340	49,24	100,0	340	Đủ nước
25	Khe Canh	8,48	209	0,00	100,0	209	Đủ nước
HÀ TỈNH		80,2	20.782,7	17,2	97,4	20.681,5	
26	Kẻ Gõ	72,92	13,115	9,83	100,0	13,115	Đủ nước
27	Sông Rác	85,61	4,367	26,08	100,0	4,367	Đủ nước
28	Thượng Tuy	81,49	776	22,90	100,0	776	Đủ nước
29	Đập Bún	93,88	83	37,96	100,0	83	Đủ nước
30	Cửa Thờ - Trại Tiêu	73,19	505	MNC	87,5	442	Thiếu nước
31	Cu Lây - Trường Lão	89,38	302	39,58	100,0	302	Đủ nước
32	Bình Hà	71,60	40	50,95	100,0	40	Đủ nước
33	Nhà Đường	95,71	183	36,44	100,0	183	Đủ nước
34	Khe Hao trên	43,71	473	1,00	100,0	473	Đủ nước
35	Khe Hao dưới						
36	Đá Bạc	51,71	45	20,81	100,0	45	Đủ nước

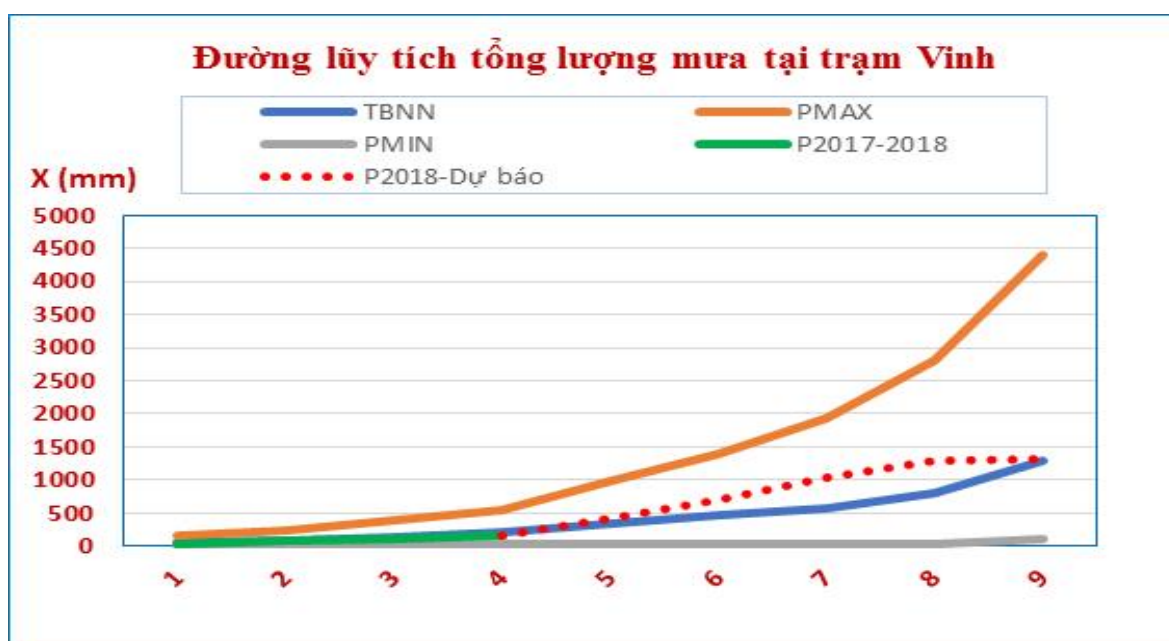


TT	Tên công trình	Dung tích so với Thiết Kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
				Dung tích hữu ích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
37	Xuân Hoa	76,68	158	31,31	100,0	158	Đủ nước
38	Hồ Cồn Tranh	103,02	210	0,63	100,0	210	Đủ nước
39	Hồ Khe Cò	97,06	385	MNC	98,1	378	Thiếu nước
40	Hồ Cao Thắng	86,61	140	MNC	78,1	109	Thiếu nước

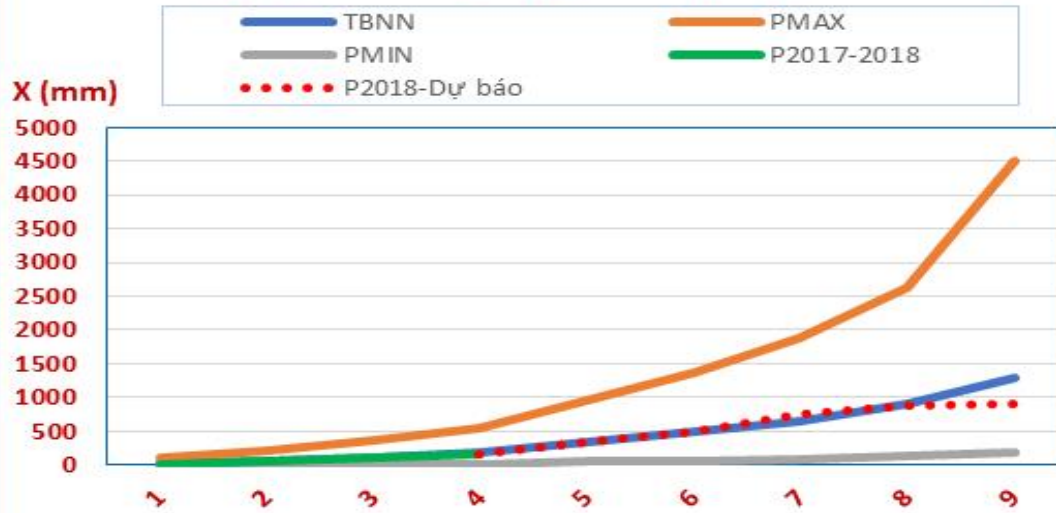
2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Vinh	Nghệ An	1306,0	+ 186,3	+ 1,1	-54	Rủi ro hạn thấp
Đô Lương	Nghệ An	909,4	+ 48,9	-30	-70,1	Rủi ro hạn thấp
Cửa Rào	Nghệ An	1511,8	+ 161,5	+ 13,9	-40	Rủi ro hạn thấp
Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	1359,0	+ 174,1	-7,2	-56,7	Rủi ro hạn thấp

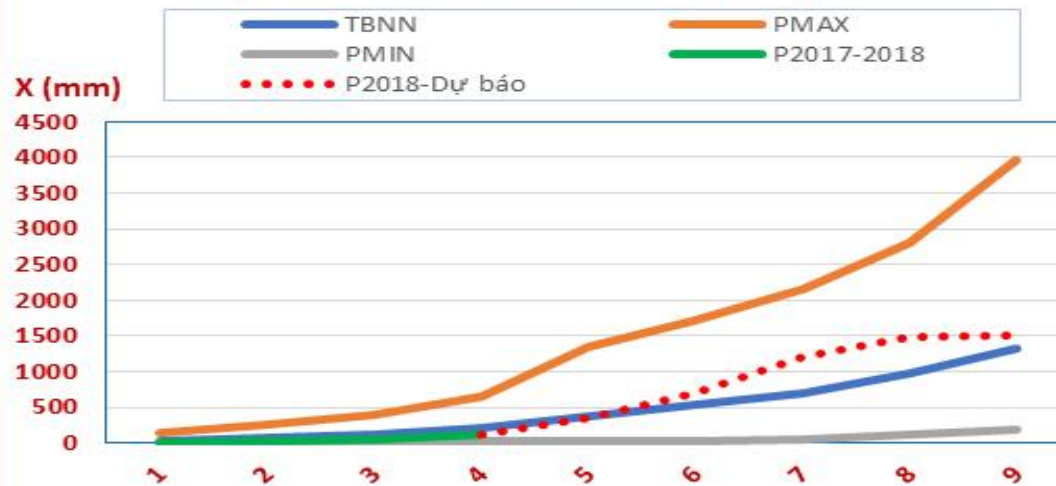
Nhận xét và khuyến cáo: Lượng mưa cộng dồn từ đầu mùa mưa 01/2018 tính đến cuối 09/2018 tại trạm Vinh, Cửa Rào cao hơn so với TBNN (từ 1 - 14% so với TBNN), còn ở trạm Đô Lương và Hà Tĩnh thấp hơn TBNN (từ 7 - 30% so với TBNN) nên khả năng lượng nước cung cấp nước ngầm không đảm bảo tương đương mức trung bình nhiều năm ở một số khu vực.



Đường lũy tích tổng lượng mưa tại trạm Đô Lương



Đường lũy tích tổng lượng mưa tại trạm Cửa Rào





Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Cả

Ghi chú:

P-TBNN: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Pmax: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

Pmin: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

P-Thực đo2017-2018: Lượng mưa thực đo năm 2017 và năm 2018

P-Dự báo2018: Lượng mưa dự báo năm 2018

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Cả cho thấy:

- Trên địa bàn tỉnh Nghệ An: Nguồn nước ở các khu vực thuộc huyện Đô Lương, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Anh Sơn, Tân Kỳ, Diễn Châu, Nghi Lộc có lượng mưa khá thấp so với trung bình nhiều năm với mức thiếu hụt cao nhất là 30%. Vì vậy trong vụ hè thu có hồ Khe Nậy có nguy cơ bị thiếu nước.

- Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh: Lượng mưa vụ hè thu cũng thấp hơn so với TBNN từ 5-32%. Vì vậy một số hồ như hồ Cửa Thờ - Trại Tiểu, hồ Khe Cò, Hồ Cao Thắng có nguy cơ bị thiếu nước nếu phục vụ tưới theo thiết kế.

Vì vậy trong thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ hè thu.

Bản tin tiếp theo sẽ được cập nhật ngày 4/5/2018.